

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 03 - 02 - 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Sửu

Ông Đỗ Trọng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2020/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐHPT- ST ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cao Duy M ; Sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2 Y xã T , huyện T , tỉnh T

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M ; Sinh năm 1986. Vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2 Y xã T , huyện T , tỉnh T

Hiện nay đã bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố là người mất tích theo Quyết định số 30/2020/QĐST - DS ngày 23/9/2020

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là anh Cao Duy M trình bày:

Về hôn nhân: Anh M và chị Nguyễn Thị M tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/2014 tại UBND xã T , huyện T , tỉnh T . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau. Tháng 10/2016 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị M đã bỏ đi đâu không xác định được địa chỉ. Anh M và gia đình, bạn bè tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của chị M nên anh M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố chị Nguyễn Thị M là người mất tích. Tại Quyết định số

30/2020/QĐST-DS ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố chị Nguyễn Thị M là người mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố chị M là người mất tích đến nay chị M vẫn không trở về địa phương. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2016 đến nay. Nay anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Thị Bảo L, sinh ngày 22/12/2014. Khi bỏ đi chị M đem theo con chung. Nay anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị M đã bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố là người mất tích. Tòa án nhân dân huyện T đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Cao Duy M và chị Nguyễn Thị M là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Sau khi cưới anh chị chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2016 chị M đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh M đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị M là người mất tích. Tại Quyết định số 30/2020/QĐST-DS ngày 23/9/2020 Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố chị Nguyễn Thị M là người mất tích. Từ ngày Tòa án tuyên bố chị M là người mất tích đến nay chị M vẫn không có tin tức gì, anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 2 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Cao Duy M ly hôn với chị Nguyễn Thị M là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Thị Bảo L, sinh ngày 22/12/2014. Khi bỏ đi chị M đem theo con chung. Nay anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Mạnh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tố tụng: Căn cứ vào khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn là chị Nguyễn Thị M.

2. Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 2 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử lý hôn giữa anh Cao Duy M và chị Nguyễn Thị M .

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc anh Cao Duy M phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2019/0006225 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án huyện T .

Anh Cao Duy M được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Thọ Xuân
- Các DS
- UBND xã T, huyện T tỉnh T
- Thi hành án DS huyện Thọ Xuân
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng